

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính năm 2017

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở mục tiêu Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh, xây dựng cơ quan Sở Nội vụ từng bước chuyên nghiệp, hiện đại; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực Nội vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh và phục vụ tổ chức, công dân ngày càng tốt hơn.

2. Mục tiêu cụ thể

Triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính 2017 nghiêm túc, hiệu quả nhằm đạt mục tiêu chung của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

Xây dựng và áp dụng vị trí việc làm đối với cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc phù hợp với quy định của pháp luật.

Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có năng lực, trình độ chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm, đáp ứng được công việc.

Tăng cường hiện đại hoá hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp tục duy trì, mở rộng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008; duy trì, vận hành tốt Cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận tiện cho cá nhân, tổ chức tra cứu, cập nhật thông tin.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế:

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành Nội vụ. Trên cơ sở đó nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung đúng quy định của pháp luật.

Tăng cường thông tin cho tổ chức và cá nhân về hoạt động của ngành Nội vụ, qua đó tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

Thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên các lĩnh vực Nội vụ, kịp thời phát hiện để huỷ bỏ, bổ sung, thay thế các thủ tục hành chính không phù hợp, nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả một cửa. Đồng thời niêm yết công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở và trụ sở cơ quan

tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả một cửa để tổ chức, cá nhân thuận tiện trong việc tra cứu, thực hiện.

Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân đối với quy định thủ tục hành chính và việc thực hiện thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các đơn vị trực thuộc Sở theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ.

Rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, bộ máy và biên chế của các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng phân định đúng chức năng, nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Thực hiện tốt công tác tham mưu UBND tỉnh giao đúng, giao đủ biên chế cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của tỉnh để cử công chức, viên chức tham gia các khoá học đào tạo, bồi dưỡng gắn với vị trí việc làm và phù hợp với nhu cầu của cơ quan.

Tiếp tục triển khai mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ về cải cách hành chính.

Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức” theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường thu hút những người có trình độ cao về công tác tại tỉnh; thực hiện nghiêm quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; thực hiện tốt quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo.

Thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với đội ngũ công chức, viên chức. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công:

Thực hiện nghiêm túc Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan và thực hiện việc giao quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị trực thuộc theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ,

tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các đơn vị nhà nước và quyết định của UBND tỉnh.

Tổ chức quản lý, sử dụng tài chính đảm bảo đúng quy chế độ định mức, chi tiêu tiết kiệm, công khai, dân chủ trong cơ quan.

6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước:

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của Trang thông tin điện tử của Sở nhằm cung cấp kịp thời thông tin thuộc lĩnh vực quản lý của ngành cho tổ chức và người dân. Tiếp tục bổ sung các dịch vụ công trực tuyến của cơ quan.

Tiếp tục duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001: 2008 của Sở Nội vụ.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Tiếp tục tuyên truyền công tác cải cách hành chính, trong đó chú trọng việc phối hợp, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ công chức trong thực thi công vụ. Thường xuyên kiểm tra, rà soát đổi mới công tác lãnh đạo, điều hành các hoạt động thuộc lĩnh vực Nội vụ.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Theo phụ lục 01 và 02 kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, các đơn vị thuộc Sở chủ động phối hợp với Văn phòng Sở tổ chức thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và đạt kết quả tốt.

2. Văn phòng là đầu mối giúp lãnh đạo Sở đôn đốc, theo dõi tiến độ việc thực hiện của các đơn vị thuộc Sở, tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Lập dự toán và quyết toán kinh phí triển khai thực hiện theo quy định.

3. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2016 của cơ quan là 196.628.000 (*Một triệu chín mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng*) từ ngân sách tỉnh. (*Chi tiết theo biểu 01 đính kèm*).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2017 của cơ quan Sở Nội vụ, yêu cầu các đơn vị thuộc Sở nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: ✓

- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



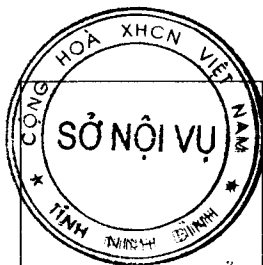
Trần Đức Minh



KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017

(Biểu 01) Ban hành kèm theo Kế hoạch số...../KH-SNV..... ngày .../... tháng 7 năm 2016 của Sở Nội vụ)

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
I. Cải cách thể chế	1. Tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thanh niên. Đồng thời rà soát và nghiên cứu, đề xuất sửa đổi cơ chế, chính sách để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thanh niên.	Báo cáo	Phòng CTTN	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2017		
	2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của đơn vị mình, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền. (theo Nghị định số 41/2012/NĐ-CP và Nghị định số 36/2013/NĐ-CP).	Báo cáo	Phòng TCBM	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2017		
II. Cải cách thủ tục hành chính	1. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế tiếp nhận, xử lý, phản hồi ý kiến về quy định hành chính	Báo cáo	Thanh tra Sở	Đơn vị thuộc Sở	2017	14.916.000đ Đề nghị bổ sung	Phụ lục 01 Biểu 2
	2. Rà soát đơn giản hoá, công khai các thủ tục hành chính các thủ tục hành chính	Báo cáo	Thanh tra Sở	Đơn vị thuộc Sở	2017		
	3. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, minh bạch thông tin thuộc hoạt động của ngành Nội vụ qua CTTĐT phục vụ nhân dân và tăng cường giám sát của nhân dân với hoạt động của ngành Nội vụ	Khảo sát bằng phiếu điều tra và lấy ý kiến trực tiếp của tổ chức, cá nhân	VP Sở	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên		



II. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

<p>1. Rà soát, trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện</p>	<p>Tờ trình tham mưu cho UBND tỉnh</p>	<p>Phòng TCBM</p>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện</p>	<p>2017</p>	<p>Chi thường xuyên</p>	
<p>2. Kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện</p>	<p>1. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra 2. Thông báo, kết luận kiểm tra</p>	<p>Thanh tra Sở</p>	<p>Phòng TCBM</p>	<p>2017</p>	<p>Chi thường xuyên</p>	

III. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

<p>1. Thực hiện tốt việc tuyển dụng công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Quyết định</p>	<p>Phòng QLCCVC</p>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện</p>	<p>2017</p>	<p>Chi thường xuyên</p>	
<p>2. Mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về CCHC cho CBCCVC sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã</p>	<p>Báo cáo</p>	<p>Phòng CCHC</p>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện</p>	<p>2017</p>	<p>Kinh phí đào tạo</p>	
<p>3. Cử công chức tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng theo kế hoạch</p>	<p>Quyết định</p>	<p>VP Sở</p>	<p>Các phòng, ban chuyên môn</p>	<p>2017</p>	<p>Kinh phí đào tạo</p>	
<p>4. Thực hiện chế độ, chính sách cho công chức, viên chức và người lao động cơ quan</p>	<p>Quyết định</p>	<p>VP Sở</p>	<p>Các phòng, ban chuyên môn</p>	<p>2017</p>		

IV. Cải cách tài chính công

<p>Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ</p>		<p>VP Sở và các đơn vị trực thuộc Sở</p>		<p>2017</p>		
---	--	--	--	-------------	--	--



<p>Hiện đại hoá hành chính</p>	1. Tiếp tục duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.	Báo cáo đánh giá	VP Sở, Thanh tra Sở	Các phòng, ban chuyên môn	2017	12.000.000đ (Khoản 5 Điều 4 Thông tư số 159/2010/TT-BTC)	
	2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận ” một cửa”	Báo cáo	VP Sở	Các phòng, ban chuyên môn	2017		
<p>VI. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính</p>	1. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm để xác định chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Ninh Bình	1. Kế hoạch triển khai đánh giá chấm điểm; 2. Dự thảo báo cáo trình UBND tỉnh.	Phòng CCHC	Văn phòng Sở	2017	Chi thường xuyên	
	2. Xây dựng và tổ chức triển khai xác định chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Báo cáo đánh giá chỉ số CCHC	Phòng CCHC	Văn phòng Sở	2017	69.820.000 đ Đề nghị bổ sung	Phụ lục 02 Biểu 2
	3. Kiểm tra cải cách hành chính một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch kiểm tra Thông báo kết luận	Phòng CCHC	Văn phòng Sở	2017	21.912.000đ Đề nghị bổ sung	Phụ lục 02 Biểu 2
	4. Kiểm tra nội bộ việc thực hiện cơ chế một cửa	Báo cáo đánh giá	VP Sở	Các phòng, ban chuyên môn	2017	Chi thường xuyên	
	5. Thanh tra nội bộ việc thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng, lãng phí	Kết luận Thanh tra	Thanh tra Sở	Các phòng chuyên môn	2017	Chi thường xuyên	
	6. Nghiên cứu học tập kinh nghiệm CCHC của một số địa phương	Báo cáo kết quả nghiên cứu	Phòng CCHC	Các phòng chuyên môn	2017	31.000.000 đ Đề nghị bổ sung	Phụ lục 02 Biểu 2




7. Lựa chọn một số tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong thực hiện các nhiệm vụ CCHC trình UBND tỉnh khen thưởng	Tờ trình tham mưu cho UBND tỉnh	Phòng CCHC	Ban Thi đua khen thưởng tỉnh	2017	Kinh phí thi đua khen thưởng	
8. Hội nghị triển khai Kế hoạch CCHC năm 2017	Báo cáo kết quả thực hiện	Phòng CCHC	Văn phòng	2017	24.650.000 đ Đề nghị bổ sung	Phụ lục 02 Biểu 2
9. Hội nghị tổng kết Kế hoạch CCHC năm 2016	Báo cáo kết quả thực hiện	Phòng CCHC	Văn phòng	2017	24.650.000 đ Đề nghị bổ sung	Phụ lục 02 Biểu 2
10. Thực hiện nhiệm vụ KH CCHC năm 2017 và xây dựng KH CCHC 2018	1. Báo cáo định kỳ quý, 06 tháng và báo cáo năm 2015 về CCHC	VP Sở	Các phòng, ban chuyên môn	2017		
	2 Kế hoạch CCHC năm 2016 được phê duyệt			2017		



Quyết định số 2 ban hành kèm theo Kế hoạch số 33/KH-SNV ngày 13 tháng 7 năm 2016

DỰ TOÁN KINH PHÍ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017

T	MỤC CHI	SỐ TIỀN	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHỈ SỐ CCHC (14 người thuộc 06 cơ quan):	69.820.000	
1	Điều tra xã hội học đánh giá hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh, cấp huyện phục vụ xác định chỉ số CCHC: 30 phiếu/đơn vị x (17 sở, ngành + 8 huyện,	40.500.000	
	Chi in phiếu, hướng dẫn điều phiếu, danh sách ký nhận...: 2.000đ/bộ x 750 phiếu	1.500.000	
	Hỗ trợ cho người đi điều tra: 100.000đ/ngày/người x 3 người x 5 ngày	1.500.000	
	Chi thù lao cho người điền phiếu 750 phiếu x 50.000đ/phiếu	37.500.000	
2	Thuê xe đi thẩm định kết quả tự đánh giá 04 ngày x 2.000.000đ/ngày	8.000.000	
3	Phụ cấp lưu trú đi và về trong ngày: 14 người x 50.000 đồng/ngày x 02 ngày	1.400.000	
4	Nghiên cứu tài liệu làm thêm giờ (tính theo hệ số lương bình quân của 04 người): hệ số lương 3,8 x 1.150.000đ/22 ngày công x 10 ngày thứ 7 và chủ nhật x 04 người x 200%	15.890.000	
5	Họp góp ý báo cáo kết quả đánh giá:	4.030.000	
-	Tài liệu: 50.000 đồng/bộ x 14 người	700.000	
-	Tiền nước uống: 14 người x 20.000 đồng/ngày	280.000	
-	Bài tham luận: 1 bài x 300.000đ/bài	300.000	
-	Bài nhận xét, góp ý chỉnh sửa: 4 bài x 200.000đ/bài	800.000	
-	Trang trí, khánh tiết	500.000	
-	Chi đại biểu: - Chủ trì cuộc họp: 1 người x 150.000đ/người/buổi; - 13 đại biểu x 100.000 đồng/đại biểu	1.450.000	
II	KIỂM TRA CCHC	21.912.000	
1	Làm thêm ngoài giờ để xây dựng Kế hoạch kiểm tra, thông báo kết luận và làm báo cáo tổng kết công tác kiểm tra CCHC (tính theo hệ số lương bình quân của 04 người): hệ số lương 3,80 x 1.150.000đ/22 ngày công x 08 ngày thứ 7 và chủ nhật x 4 người x 200%	12.712.000	
2	Thuê xe đi kiểm tra CCHC: 08 chuyến x 1000.000 đồng/chuyến	8.000.000	
3	Phụ cấp lưu trú: 06 người x 50.000 đồng/người/ngày x 4 ngày	1.200.000	
III	HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CCHC NĂM 2017, thành phần gồm: - Lãnh đạo UBND tỉnh; - Lãnh đạo, công chức phụ trách công tác CCHC của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (34 cơ quan, đơn vị x 02 người/cơ quan = 68 người);	24.650.000	
1	Thuê hội trường 01 ngày x 2.000.000 đồng/ngày	2.000.000	
2	Trang trí, khánh tiết	1.000.000	



3	In, sao tài liệu, văn phòng phẩm: 30.000 đồng/bộ x 77 người	2.310.000	
4	Nước uống: 77 người x 20.000 đồng/người	1.540.000	
5	Báo cáo viên phục vụ hội nghị: 02 người x 500.000 đồng/người	1.000.000	
6	Phục vụ đoàn (kể cả 35 lái xe): 112 người x 150.000 đồng người x 01 bữa	16.800.000	
IV	HỘI NGHỊ TỔNG KẾT KẾ HOẠCH CCHC NĂM 2016 VÀ CÔNG BỐ CHỈ SỐ CCHC CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CẤP HUYỆN, thành phần gồm: - Lãnh đạo UBND tỉnh; - Lãnh đạo, công chức phụ trách công tác CCHC của các sở, ban, ngành và UBND	24.650.000	
1	Thuê hội trường 01 ngày x 2.000.000 đồng/ngày	2.000.000	
2	Trang trí, khánh tiết	1.000.000	
3	In, sao tài liệu, văn phòng phẩm: 30.000 đồng/bộ x 77 người	2.310.000	
4	Nước uống: 77 người x 20.000 đồng/người	1.540.000	
5	Báo cáo viên phục vụ hội nghị: 02 người x 500.000 đồng/người	1.000.000	
6	Phục vụ đoàn (kể cả 35 lái xe): 112 người x 150.000 đồng người x 01 bữa	16.800.000	
V	HỌC TẬP KINH NGHIỆM CCHC TỈNH BẠN (Quảng Ninh, Hải Phòng)	31.000.000	
1	Phụ cấp công tác phí 10 người x 05 ngày x 120.000đ/ngày	6.000.000	
2	10 người (5 phòng) x 4 đêm x 500.000 đ/ngày/phòng/02 người	10.000.000	
3	Thuê phương tiện đi lại: 05 ngày x 3.000.000 đồng/ngày	15.000.000	
	TỔNG CỘNG TỪ MỤC (I đến V)	172.032.000	

Bằng chữ: (Một trăm bảy hai triệu không trăm ba hai nghìn đồng)



Phụ lục 01 - biểu 2 - ban hành kèm theo Kế hoạch số/KH-SNV ngày/tháng../năm 2016)

**DỰ TOÁN KINH PHÍ
CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2017**

Stt	Mục chi	Số tiền	Ghi chú
1	Chi hỗ trợ công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính (02 người x 20.000đ x 22 ngày x 12 tháng)	10.560.000	
2	Chi công bố công khai thủ tục hành chính (căn cứ vào hóa đơn chứng từ kế toán)	1.000.000	
3	Báo cáo tổng hợp, phân tích về công tác kiểm soát TTHC, công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính (theo quy định tại điểm b khoản 5 Phụ lục mức chi Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP)	3.000.000	
4	Chi làm thêm giờ (tính theo hệ số lương bình quân của 04 người) hệ số lương 3,0 x 1.150.000đ/22 ngày công x 08 ngày thứ 7 và chủ nhật x 4 người x 200%	10.036.000	
5	Tổng	24.596.000	

Bảng chữ: (Hai mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng)